UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ KHÁNH TRUNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2639/QĐ-UBND	*Khánh Trung, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án: Xây dựng phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Khánh Trung, Trường tiểu học Khánh Công

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHÁNH TRUNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 154/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân cấp thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND xã Khánh Trung về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Khánh Trung, trường Tiểu học Khánh Công;

Căn cứ Thông báo số 07/TĐ-KT ngày 02/11/2026 của phòng Kinh tế xã Khánh Trung về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Khánh Trung, trường Tiểu học Khánh Công;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Xây dựng phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Khánh Trung, trường Tiểu học Khánh Công, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Khánh Trung, trường Tiểu học Khánh Công

2. Loại, nhóm dự án; loại và cấp công trình; Thời hạn sử dụng của công trình:

- Dự án nhóm C.

- Loại công trình: Công trình dân dụng

- Cấp công trình: Cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình: Theo tiêu chuẩn thiết kế áp dụng cho dự án.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Khánh Trung, tỉnh Ninh Bình.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Khánh Trung.

5. Chủ đầu tư: Uỷ ban nhân dân xã Khánh Trung.

6. Nhà thầu Tư vấn Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Nam Sông Hồng.

7. Mục tiêu dự án:

Nhằm đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh nhà trường. Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, giảng dạy, thực hiện mục tiêu phát triển nhà trường, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tiến đến mục tiêu trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Trường tiểu học khánh Công

8.1.1. Xây dựng 6 phòng chức năng, phòng bộ môn 2 tầng:

Khối nhà lớp học 02 tầng, diện tích xây dựng 200 m2, diện tích sàn 400 m2.

a) Giải pháp kiến trúc:

- Chiều dài nhà 23,22 m gồm 07 bước gian (5x3,2m+3,9m+3,1m). Trong đó 01 cầu thang được bố trí tại bước gian 3,9m (trục 6-7); hành lang rộng 2,4m; nhà 02 tầng, công năng bố trí như sau:

+ Tầng 1: gồm 01 phòng đa chức năng, 02 phòng kho;

+ Tầng 2: gồm 01 phòng học bộ môn, 01 phòng thiết bị, 01 phòng chuẩn bị.

- Chiều rộng nhà 8,4m gồm 2 nhịp 6m+ 2,4m. Trong đó nhịp 2,4m sử dụng làm hành lang.

- Chiều cao nhà tính từ cao độ sân hoàn thiện là 10,25m. Trong đó:

+ Chiều cao nền so với cao độ sân hoàn thiện 0,75m;

+ Chiều cao tầng 1 bằng 3,6m;

+ Chiều cao tầng 2 bằng 3,6m;

+ Chiều cao mái bằng 2,3m;

- Hoàn thiện: Trát tường trong, ngoài vữa xi măng mác 75; trát cột, má cửa dầm, trần, phào chỉ VXM mác 100. Lăn sơn trực tiếp 03 nước. Cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa nhôm hệ xingfa, kính dày 6,38mm, cửa sổ có khung bảo vệ bằng inox. Nền nhà và hành lang lát gạch kích thước (60x60)cm, các phòng còn lại ốp gạch chân tường (12x60)cm. Mặt và cổ bậc tam cấp, bậc cầu thang lát đá granite. Trụ và lan can cầu thang, lan can hành lang bằng inox.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng: Sử dụng móng cọc BTCT, tiết diện cọc (250x250)mm dài 18m tổ hợp gồm 3 đoạn cọc mỗi đoạn 6m; Đài móng, dầm móng BTCT đá 1x2 mác 300; giằng móng BTCT đá 1x2 mác 300 tiết diện (330x200)mm; Tường cổ móng xây gạch bê tông VXM mác 75.

- Phần thân: Sử dụng kết cấu khung BTCT gồm hệ cột tiết diện (300x400)m và (220x220)m BTCT đá 1x2 mác 300; dầm tiết diện (220x300)mm, (220x300)mm BTCT đá 1x2 mác 300; Sàn BTCT đá 1x2 mác 300; Tường nhà xây gạch bê tông VXM mác 75; Cầu thang BTCT đá 1x2 mác 300.

- Phần mái: Mái lợp tôn chống nóng dày 0,45mm gác trên hệ xà gồ thép mạ kẽm C100x50x15x2mm, xây tường thu hồi dày 110mm, bổ trụ 220x220mm xây bằng gạch bê tông VXM mác 75, trát tường VXM mác 75, giằng tường thu hồi, giằng sê nô BTCT đá 1x2 mác 200.

c) Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng, cấp thoát nước, chống sét, đồng bộ theo công trình.

8.1.2. Nhà vệ sinh học sinh

a) Kiến trúc:

- Gồm 02 phòng vệ sinh nam và nữ, diện tích xây dựng 40 m2, nhà dài 11,72 m, rộng 3,22 m, chiều cao nhà tính từ sân hoàn thiện 3,75m, trong đó:

+ Chiều cao nền so với cao độ sân hoàn thiện 0,45m.

+ Chiều cao nhà 3,3m.

- Hoàn thiện: trát tường vữa XM mác 75; dầm, trần trát vữa XM mác 100, lăn sơn trực tiếp 3 nước; Trong nhà ốp gạch (30x60)cm cao sát trần, lát nền nhà gạch chống trơn (30x30)cm, bậc lên xuống lát đá granite; Cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ Xingfa, kính 02 lớp dày 6,38mm; vách ngăn xí, ngăn tiểu bằng tấm compact; lát gạch nem tách (30x30)cm, chống nóng mái.

b) Giải pháp kết cấu: gia cố nền móng bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25c/m2; Móng băng BTCT đá 1x2 mác 200, cổ móng xây gạch bê tông vữa XM

mác 75, giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200; nhà mái bằng BTCT đá 1x2 mác 200, tường nhà xây gạch bê tông vữa xi măng mác 75;

- Bể phốt: Xây 01 bể phốt sau nhà vệ sinh, gia cố đáy bể bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 16c/m2, đáy bể đổ BTCT đá 1x2 mác 200, tường bể xây gạch bê tông đặc vữa XM mác 75; trát tường bể VXM mác 75, láng đáy bể VXM mác 100, nắp bể đổ BTCT đá 1x2 mác 200.

c) Lắp đặt thiết bị vệ sinh, đường ống, cấp thoát nước, thiết bị điện đồng bộ.

8.1.3. Rãnh thoát nước:

Rãnh thoát nước (chiều dài L=26m); Tường rãnh xây gạch bê tông VXM mác 75, trát tường VXM mác 75 dày 1,5cm, láng đáy rãnh VXM mác 75 dày 1cm; Lót đáy rãnh bê tông đá 2x4 mác 150, dày 10cm; Tấm đan rãnh bằng BTCT đá 1x2 mác 200, dày 10cm.

8.1.4. Sân bê tông:

Diện tích 178 m2, Đào bóc nền sân đất 15cm đầm chặt, kết cấu mặt sân đổ bê tông đá 1x2 mác 200 dày 10cm, rải đá mạt bù vênh, tạo phẳng dày 5cm.

8.1.5. Tường rào:

Phá dỡ tường rào đã bị nghiêng (đoạn AB, dài 18m) đến mặt móng hiện trạng, tận dụng móng tường rào hiện trạng, đổ giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200, tiết diện (220x200)mm; cấy cột BTCT trên mặt giằng móng, tiết diện cột (220x220)mm; Xây tường, bằng gạch bê tông VXM mác 75, trát VXM mác 75, lăn sơn 03 nước.

8.1.6. Phá dỡ: Phá dỡ các hạng mục đã xuống gồm nhà vệ sinh, bể nước, tường rào (đoạn AB, dài 18m; đoạn CD, dài 4m) để lấy mặt bằng thi công xây dựng các hạng mục công trình.

8.2. Trường mầm non Khánh Trung

8.2.1. San lấp mặt bằng: San lấp nền sân trũng thấp hiện trạng, diện tích san lấp là 1.238,48 m2, vật liệu san lấp tận dụng đất đào móng các hạng mục công trình, khối lượng thiếu dùng đất đá hỗn hợp để san lấp, nền đất san lấp sau đầm chặt là K85.

8.2.2. Xây mới phòng bộ môn và phòng chức năng 2 tầng

Nhà 2 tầng, diện tích xây dựng 260 m2, diện tích sàn xây dựng 520 m2.

a) Giải pháp kiến trúc:

- Chiều dài nhà 29,22m gồm 09 bước gian (2x3,1m+6x3,3m+1x3m). Trong đó 02 cầu thang được bố trí tại bước gian 3,1m (trục 1-2) và trục 9-10, hành lang rộng 2,4m; công năng bố trí như sau:

+ Tầng 1: gồm 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng giáo dục thể chất, 02 cầu thang.

+ Tầng 2: gồm 01 phòng đa năng, 02 phòng vệ sinh, 01 chuyên môn tin học ngoại ngữ.

- Chiều rộng nhà 8,3 gồm 2 nhịp 6,2m+ 2,4m. Trong đó nhịp 2,4m sử dụng làm hành lang.

- Chiều cao nhà tính từ cao độ sân hoàn thiện là 10,10m. Trong đó:

+ Chiều cao nền so với cao độ sân hoàn thiện 0,60 m;

+ Chiều cao tầng 1 bằng 3,6m;

+ Chiều cao tầng 2 bằng 3,6m;

+ Chiều cao mái bằng 2,3m;

- Hoàn thiện: Trát tường trong, ngoài vữa xi măng mác 75; trát cột, má cửa dầm, trần, phào chỉ VXM mác 100. Lăn sơn trực tiếp 03 nước. Cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa nhôm hệ xingfa, kính dày 6,38mm, cửa sổ có khung bảo vệ bằng inox. Nền nhà và hành lang lát gạch kích thước (60x60)cm, các phòng còn lại ốp gạch chân tường (12x60)cm. Mặt và cổ bậc tam cấp, bậc cầu thang lát đá granite. Trụ và lan can cầu thang, lan can hành lang bằng inox.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng: Sử dụng móng cọc BTCT đá 1x2 mác 250, cọc dài 19m được tổ hợp gồm 3 đoạn cọc (2x6+7)m, tiết diện cọc (250x250)mm; Đài móng, dầm móng BTCT đá 1x2 mác 300; giằng móng BTCT đá 1x2 mác 250 tiết diện (330x200)mm; Tường cổ móng xây gạch bê tông VXM mác 75.

- Phần thân: Sử dụng kết cấu khung BTCT gồm hệ cột tiết diện (300x400)mm và (220x220)mm BTCT đá 1x2 mác 300; dầm tiết diện (220x300)mm, (220x600)mm, kết cấu dầm BTCT đá 1x2 mác 300; Sàn BTCT đá 1x2 mác 300; Tường nhà xây gạch bê tông VXM mác 75; Cầu thang BTCT đá 1x2 mác 300.

- Phần mái: Mái lợp tôn chống nóng dày 0,45mm gác trên hệ xà gồ thép mạ kẽm C100x50x15x2mm, xây tường thu hồi dày 110mm, bổ trụ 220x220mm xây bằng gạch bê tông VXM mác 75, trát tường VXM mác 75, giằng tường thu hồi, giằng sê nô BTCT đá 1x2 mác 200.

c) Thiết kế bể phốt, hệ thống điện chiếu sáng, cấp nước, thoát nước, thiết bị vệ sinh, chống sét, phòng cháy chữa cháy đồng bộ theo công trình.

8.2.3. Bể nước:

Xây dựng bể nước có dung tích 11m3, đặt phía sau nhà học với kích thước (5x2x2)m, gia cố đáy bể bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25c/m2; Bể sử dụng kết cấu BTCT toàn khối mác 250; bản đáy, bản nắp và thành bể đổ BTCT mác 250.

8.2.4. Tường rào:

- Tường rào gạch xây mới đoạn AB (dài 58 m), móng xây đá hộc vữa XM mác 75, đóng cọc tre gia cố nền móng, cọc dài 1,5m, mật độ 16c/m2, giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200, trụ tường rào bằng BTCT đá 1x2 mác 200, tiết diện trụ (220x220)mm, khoảng cách 3m/trụ; xây ốp trụ, xây tường rào bằng gạch bê tông VXM mác 75, giằng tường rào BTCT mác 200. Trát tường rào VXM mác 75, lăn sơn trực tiếp 03 nước.

- Tường rào hoàn trả đoạn CD (dài 6,33m): hoàn trả tường rào do phá dỡ để lấy lối vào thi công, tận dụng móng hiện có, đổ trụ cột BTCT đá 1x2 mác 200, xây ốp trụ, xây tường rào bằng gạch bê tông vữa XM mác 75, trát vữa XM mác 75, lăn sơn trực tiếp 03 nước (01 nước lót 02 nước phủ).

8.2.5. Sân, bồn cây, hoàn trả bể phốt nhà lớp học 2 tầng 8 phòng:

a. Sân:

- Sân S1 (hoàn trả nền sân lối vào thi công): Diện tích 144m2: Mặt sân lát gạch chống trơn sân vườn KT (60x60)cm trên nền sân đổ bê tông đá 1x2 mác 200 dày 10cm, rải đá mạt bù vênh dày 5cm.

- Sân S2: Diện tích: 527m2: Kết cấu mặt sân bê tông đá 1x2 mác 200 dày 10cm, rải đá mạt bù vênh dày 5cm.

b. Bồn cây: Xây mới bồn cây (số lượng 06 cái): Đường kính R=2m: Tường xây gạch bê tông, trát tường mác 75, lăn sơn trực tiếp 03 nước.

c. Hoàn trả bể phốt:

- Xây 02 bể phốt của nhà học 02 tầng 8 phòng do 2 bể phốt hiện trạng có cốt mặt bể cao hơn mặt sân bê tông trước nhà 2 tầng xây mới (mặt sân sau khi hoàn thiện) và cao độ đường nước thải của bể không đảm bảo thoát nước cho nhà lớp học (gây nên tình trạng tắc đường ống nước thải của nhà học);

- 02 bể phốt xây mới có kết cấu như sau: gia cố đáy bể bằng cọc tre dài 1,5m, mật độ 16c/m2, đáy bể đổ BTCT đá 1x2 mác 200, tường bể xây gạch bê tông đặc vữa XM mác 75; trát tường bể VXM mác 75, láng đáy bể VXM mác 100, nắp bể đổ BTCT đá 1x2 mác 200.

8.2.6. Rãnh nước ngoài nhà:

- Rãnh thoát nước (chiều dài L=120m) và gồm 5 hố ga; Tường rãnh và hố ga xây gạch bê tông VXM mác 75, trát tường VXM mác 75 dày 1,5cm, láng đáy rãnh VXM mác 75 dày 1cm; Lót đáy rãnh bê tông đá 2x4 mác 150, dày 10cm; Tấm đan rãnh bằng BTCT đá 1x2 mác 200, dày 7cm.

- Đường ống thoát nước thải: Thoát nước thải bằng ống UPVC D150 chiều dài 91m, 7 hố ga thu nước xây bằng gạch bê tông VXM mác 75, đáy đổ bê tông

đá 1x2 mác 150, tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200; trát tường vữa XM mác 75, láng vữa XM mác 75.

8.2.7. Tháo dỡ vị trí lối vào thi công:

Tháo dỡ, hoàn trả lại hàng rào hoa sắt đoạn E-F (13m), tháo dỡ mái tôn, bồn cây lấy lối vào thi công.

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

** Tiêu chuẩn Khảo sát:*

- TCVN 9398:2012 – Quy định các yêu cầu chung về công tác trắc địa trong xây dựng công trình;

- TCVN 9401:2012 – Hướng dẫn về đo đạc và xử lý dữ liệu GPS trong khảo sát địa hình;

- 96TCN 43-90 – Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình ở các tỷ lệ phổ biến, đặc biệt áp dụng cho môi trường ngoài trời;

- QCVN 11:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới cao độ;

- TCVN 9437:2012 – Khoan thăm dò địa chất công trình;

- TCVN 2683:2012 – Đất xây dựng – Phương pháp lấy mẫu (quy định kỹ thuật lấy mẫu đất nguyên dạng phục vụ thí nghiệm cơ lý);

- Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

** Tiêu chuẩn thiết kế:*

- TCVN 8053:2009 – Tấm lợp dạng sóng – Yêu cầu thiết kế và hướng dẫn lắp đặt, áp dụng khi sử dụng loại vật liệu này;

- TCVN 9206:2012 – Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9207:2012 – Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9362:2012 – Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 9835:2012 – Chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- TCVN 5574:2018 - Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 8793:2021 - Trường Tiểu học – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 3907:2021 - Trường mầm non – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 2737:2023 - Tiêu chuẩn tải trọng và tác động;

- TCVN 3890:2023 – Phòng cháy và chữa cháy – Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí;

- TCVN 7957:2023 - Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 13606:2023 - Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5575:2024 - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5573:2025 - Thiết kế kết cấu khối xây;

- TCVN 9386:2025 - Tiêu chuẩn thiết kế CT chịu động đất;

- TCVN 10304:2025 – Thiết kế móng cọc;

- TCXDVN 13608:2023 - Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế;

- QCVN 12:2014/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng;

- QCVN04-1:2015/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà ở và công trình công cộng;

- 11 TCN 18-2006 - Quy phạm trang bị điện phần 1 – Quy định chung;

- 11 TCN 19-2006 - Quy phạm trang bị điện phần 2 – Hệ thống đường dây dẫn điện;

Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 14.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười bốn tỷ đồng)*.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	12.097.432.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	369.852.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.353.231.000	đồng
- Chi phí khác	133.609.000	đồng
- Chi phí dự phòng	45.876.000	đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2027.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách cấp trên hỗ trợ và Ngân sách xã.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND xã tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ KHÁNH TRUNG T.NINH BÌNH

Phạm Đức Hữu